

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 8 - 2025
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn K

Ông Vũ Hùng T

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nh - Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 1 - P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P tham gia phiên tòa: Bà Đỗ
Hoàng Huyền M - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - P xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025
về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐST-HNGĐ
ngày 09 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ
ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991;

- Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1991;

Đều có địa chỉ: Khu 2, xã S, thành phố V, tỉnh P (nay là phường T, tỉnh P).
(Anh C có đơn xin vắng mặt, chị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 28/5/2025, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 11/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố V, tỉnh P. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng anh sống hạnh phúc nhưng vợ chồng đã chung sống với nhau 6 năm nhưng anh chị không có con chung. Do không có con nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống vợ chồng bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H cũng đã về nhà bố mẹ ở từ ngày 13/4/2025 đến nay, hai vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, hai gia đình nội ngoại cũng hòa giải nói chuyện với nhau nhưng do anh chị không có con chung nên tình cảm cũng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh xác định không thể tiếp tục chung sống với chị H được nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Ngày 19/6/2025, Tòa án đã tiến hành xác minh tại khu dân cư thuộc khu 2, xã S, thành phố V, tỉnh P nơi anh C và chị H sinh sống thì được ông Nguyễn Đức Chiến là trưởng khu cho biết: Về quan hệ hôn nhân anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị H có đăng ký kết hôn ngày 11/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố V, tỉnh P. Quá trình chung sống từ ngày kết hôn cho đến nay không có con chung. Chị H hiện nay đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khu Cao Đại, phường S, thành phố V, tỉnh P, hai vợ chồng hiện nay đang sống ly thân. Nay anh C xin ly hôn chị H đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Ngày 20/6/2025, Tòa án tiếp tục xác minh tại tổ 23, khu Cao Đại, phường S, thành phố V, tỉnh P. Sau khi trao đổi nội dung xác minh được ông Nguyễn Hữu Thủy là trưởng khu cho biết: Chị Phạm Thị H lấy chồng là anh Nguyễn Văn C ở xã S, thành phố V, tỉnh P. Quá trình chung sống đến nay anh chị không có con chung và hiện nay chị H đã về ở nhà bố mẹ đẻ là ông Nhân và bà Nghĩa ở khu Cao Đại, phường S, thành phố V, tỉnh P được gần 03 tháng. Nay anh C xin ly hôn chị H đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại nhà ông Phạm Văn Nhân bố đẻ chị H, Tòa án có tổng đạt các văn tố tụng cho chị H nhưng chị H đi làm không có mặt ở nhà. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn Nhân nhưng ông Nhân từ chối nhận, vì vậy Tòa án lập biên bản và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho chị H theo đúng quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn còn chưa thực hiện đúng quy định do được triệu tập hợp lệ đến giải quyết nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C. Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Phạm Thị H.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị H không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh Nguyễn Văn C xác định vợ chồng không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.
- Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết xác định: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn C và bị đơn chị Phạm Thị H. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu 02, xã S, thành phố V, tỉnh P (nay là phường T, tỉnh P). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - P là đúng quy định pháp luật.

- Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Văn C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

- Đối với bị đơn chị Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo như anh C trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do từ ngày kết hôn đến nay vợ chồng đã chung sống với nhau 06 năm nhưng không có con chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống vợ chồng bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H cũng đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ ngày 13/4/2025 đến nay, hai vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, hai gia đình nội ngoại cũng hòa giải nói chuyện với nhau nhưng do anh chị không có con chung và cuộc sống hôn nhân không đạt được mục đích nên anh xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và xin ly hôn chị H. Quá trình giải quyết vụ án, tuy không lấy được lời khai của chị H nhưng qua việc xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh C và chị H sinh sống trong quá trình hôn nhân tại khu 2, xã S (nay là phường T, tỉnh P) và xác minh tại gia đình bố mẹ đẻ chị H tại khu Cao Đại, phường S (nay là phường Nông Trang, tỉnh P) được các ông trưởng khu cho biết anh C và chị H kết hôn ngày 11/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố V, tỉnh P, sau khi kết hôn chị H về nhà chồng sinh sống nhưng hai vợ chồng đã sống với nhau 06 năm nhưng không có con chung, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4/2025 đến nay, hai vợ chồng sống ly thân với nhau không ai quan tâm đến ai mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng anh C, chị H có mâu thuẫn, dạn nứt tình cảm là do không có con chung dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng đang sống ly thân không ai còn

quan tâm đến ai, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh C đối với chị H là có căn cứ, được chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Xác định vợ chồng anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị H không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xét xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Mặc dù anh C trình bày không có nhưng do chị H vắng mặt không có lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân của anh C và chị H nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C về việc “Ly hôn”. Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị H không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh Nguyễn Văn C xác định anh C, chị H không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh C (do bà Nguyễn Thị Ngọc Hà nộp thay) đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số: 0003609 ngày 12/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - P).

5. Anh C, chị H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - P;
- THADS tỉnh P;
- UBND P. T, tỉnh P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Đào Thị H

